

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **296/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 28/6/2022
V/v: *Ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trương Ngọc T**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Thanh H**

Bà Nguyễn Thị L

- ***Thư ký phiên tòa:*** **Bà Nguyễn Thị T** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Gia A - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 200/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên Đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Trần Công Đ, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Đều đăng ký HKTT và cư trú tại: thôn T, xã T, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

NHẬN THẤY:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị có đăng ký kết hôn với anh Trần Công Đ, sinh năm 1984, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Chương Mỹ vào ngày 09 tháng 3 năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do lối sống và suy nghĩ ngày càng đối lập nhau. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng mâu thuẫn vẫn căng thẳng kéo dài. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Nay chị T đề nghị xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị T, anh Đ có 02 con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 21/7/2011; cháu Trần Văn H, sinh ngày 10/11/2014. Nguyên vọng của chị T là xin nuôi cả hai con, nếu anh Đ xin nuôi cháu T thì chị T cũng đồng ý. Nếu được nuôi con thì chị T không đề nghị cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Trần Công Đ:

Theo Bản tự khai của anh Đ, quan điểm của anh như sau:

Về quan hệ hôn nhân gia đình: Anh Đ và chị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn do lối sống khác nhau. Do gần đây, chị T có thay đổi về lối sống nên vợ chồng đã ly thân. Nay chị T nộp đơn xin ly hôn, quan điểm của anh Đ là vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Anh T, sinh năm 2011; Trần Văn H, sinh năm 2014. Nguyên vọng của anh Đ là muốn các con ở cùng với nhau, còn nếu phải ly hôn thì anh xin nuôi cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

3. Ý kiến của đương sự tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đ.

+ Về con chung: Chị T xin nuôi cháu H, không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận ý kiến.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Công Đ. Về con chung: đề nghị HĐXX giao cho chị T nuôi dưỡng cháu Trần Văn H, giao cho anh Đ nuôi dưỡng cháu Trần Anh T. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh Đ tự nguyện không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ và chị T

cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Công Đ đang cư trú tại thôn T, xã T, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tổng đạt theo đúng quy định pháp luật nhưng anh Trần Công Đ vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Công Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Chương Mỹ, Hà Nội năm 2010 nên hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị T: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng đã ly thân được hơn 01 năm nay không còn quan tâm đến nhau. Trước yêu cầu của chị T xin ly hôn, anh Đ đã đến Tòa án làm việc nhưng không trình bày ý kiến và phương án để hai vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị T xin ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: cháu Trần Anh T, sinh ngày 21/7/2011; cháu Trần Văn H, sinh ngày 10/11/2014. Xét thấy, chị T có nguyện vọng xin nuôi hai con chung nhưng nếu anh Đ xin nuôi thì chị cũng đồng ý; anh Đ xin nuôi cháu T. Vì vậy, việc giao cháu T cho anh Đ, giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Công Đ.

2. Về con chung: Xác nhận vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Trần Công Đ có 02 con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 21/7/2011; cháu Trần Văn H, sinh ngày 10/11/2014.

Giao cháu Trần Văn H, sinh ngày 10/11/2014 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Anh T, sinh ngày 21/7/2011 cho anh Trần Công Đ nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T, cháu H đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Trần Công Đ, chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T, anh Đ đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0075861 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Công Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã T, huyện Chương Mỹ (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tưởng Ngọc T